

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 29.1.2022

---

## HIỀM HOẠ KHÔNG AI TRÁNH THOÁT

### Kinh Ngụ Ngôn Hòn Núi (Pabbatūpamasuttam)

#### CHƯƠNG III. TƯƠNG ƯNG KOSALA, PHẨM THỨ BA (S.i, 100)

*Những tiến bộ to lớn của khoa học kỹ thuật ngày nay khiến con người sống lâu hơn, sống tiện nghi hơn nhưng hoàn toàn không ngăn được lão hoá nói gì đến cái chết. Tất cả chúng sanh đều có chung cuộc là cái chết. Đó là thông điệp của sự thật. Con người bất lực khi nhận ra rằng binh hùng, tướng mạnh, bạc tiền không giải quyết được già và chết. Đức Phật không đề cập sự trạnh này với thái độ tiêu cực mà Ngài dạy rõ: khi biết vậy nên tu thân, hành thiện để sống lợi lạc đời này và đời sau. Phải đọc kỹ và đọc trọn vẹn ngụ ngôn về núi đá mới nhận ra nét đặc thù của Phật Pháp: không chối bỏ sự thật về cuộc sống cũng không mang thái độ tiêu cực với sự thật phũ phàng. Người trí không ngây thơ đối với thảm hoạ không tránh thoát được mà cũng không ử rử thúc thủ thở than mà biết hành động hợp lý.*



**Kinh Văn**

**Sāvattthinidānaṃ.**

Tại Sāvattthi.

**Ekamantaṃ nisinnaṃ kho rājānaṃ pasenadiṃ kosalaṃ bhagavā etadavoca –**  
Vua Pasenadi xứ Kosala đang ngồi một bên. Thế Tôn nói với vua :

**“handa, kuto nu tvamaṃ, mahārāja, āgacchasi divā divassā”ti?**

-- Đại vương đi từ đâu lại vào giữa trưa thế này?

**“Yāni tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ  
issariyamadamattānaṃ kāmagedhapariyuṭṭhitānaṃ**

**janapadatthāvariyaṃpattānaṃ mahantaṃ pathavimaṇḍalaṃ abhivijīya  
ajjhāvasantānaṃ rājakaraṇīyāni bhavanti, tesu khvāhaṃ, etarahi  
ussukkamāpanno”ti.**

Bạch Thế Tôn, con vừa xử lý một số việc triều chính mà các vị vua sát đê ly đã làm  
lẽ quán đánh thường làm. Các vua chúa đắm chìm trong vương quyền, thọ hưởng  
dục dục lạc, an dân trị quốc, mở mang bờ cõi.

**“Taṃ kiṃ maññasi, mahārāja, idha te puriso āgaccheyya puratthimāya disāya  
saddhāyiko paccayiko. So taṃ upasaṅkamtivā evaṃ vadeyya – ‘yagghe,  
mahārāja, jāneyyāsi, ahaṃ āgacchāmi puratthimāya disāya. Tatthaddasaṃ  
mahantaṃ pabbataṃ abbhasaṃ sabbe pāṇe nipphanto āgacchati.**

**Yaṃ te, mahārāja, karaṇīyaṃ, taṃ karohī”ti. Atha dutiyo puriso āgaccheyya  
pacchimāya disāya...pe... atha tatiyo puriso āgaccheyya uttarāya disāya...pe...  
atha catuttho puriso āgaccheyya dakkhiṇāya disāya saddhāyiko paccayiko. So  
taṃ upasaṅkamtivā evaṃ vadeyya – ‘yagghe mahārāja, jāneyyāsi, ahaṃ  
āgacchāmi dakkhiṇāya disāya. Tatthaddasaṃ mahantaṃ pabbataṃ  
abbhasaṃ sabbe pāṇe nipphanto āgacchati. Yaṃ te, mahārāja, karaṇīyaṃ  
taṃ karohī”ti. Evarūpe te, mahārāja, mahati mahabbhaye samuppanne dāruṇe  
manussakkhaye [manussakāye (ka.)] dullabhe manussatte kimassa  
karaṇīya”nti?**

Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào nếu có người tâm phúc đáng tin cậy đến từ  
hướng đông và tâu rằng: Tâu Hoàng thượng, hạ thần đến từ phương đông có một  
hòn núi lớn cao tận mây xanh đang di chuyển đến đây và nghiền nát các sinh vật.  
Đại vương hãy làm những gì cần thiết. Rồi có người tâm phúc đáng tin cậy thứ hai  
đến từ hướng nam ... Rồi có người tâm phúc đáng tin cậy thứ hai đến từ hướng tây  
... Rồi có người tâm phúc đáng tin cậy thứ hai đến từ hướng bắc tâu rằng: Tâu Hoàng  
thượng, hạ thần đến từ hướng bắc có một hòn núi lớn cao tận mây xanh đang di  
chuyển đến đây và nghiền nát các sinh vật. Đại vương hãy làm những gì cần thiết.

Này Đại vương, nếu đại họa như vậy xảy ra, một sự diệt chủng của cả nhân loại  
trong khi được sanh làm người là điều khó thì Đại vương sẽ làm gì?

**“Evarūpe me, bhante, mahati mahabbhaye samuppanne dāruṇe manussakkhaye dullabhe manussatte kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya aññatra samacariyāya aññatra kusalakiriyaṃ aññatra puññakiriyaṃ”ti?**

Bạch Thế Tôn, nếu đại họa như vậy xảy ra, một sự diệt chủng của cả nhân loại trong khi được sanh làm người là điều khó thì con có thể làm gì khác được ngoài việc sống y Pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

**“Ārocemi kho te, mahārāja, paṭivedemi kho te, mahārāja, adhvattati kho taṃ, mahārāja, jarāmarañṇaṃ. Adhvattamāne ce te, mahārāja, jarāmarañṇe kimassa karaṇīya”nti?**

Này Đại vương, ta báo cho Đại vương biết, ta tuyên bố Đại vương hay: già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương thì Đại vương nên sẽ làm gì?

**“Adhvattamāne ca me, bhante, jarāmarañṇe kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya samacariyāya kusalakiriyaṃ puññakiriyaṃ”**

Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục thì con có thể làm gì khác được ngoài việc sống y Pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

**Yāni tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ issariyamadamattānaṃ kāmagedhapariyuṭṭhitānaṃ janapadatthāvariyaṃ mahantaṃ pathavimaṇḍalaṃ abhivijīya ajjhāvasantānaṃ hatthiyuddhāni bhavanti; tesampi, bhante, hatthiyuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhvattamāne jarāmarañṇe.**

**Yānipi tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ...pe... ajjhāvasantānaṃ assayuddhāni bhavanti...pe... rathayuddhāni bhavanti ...pe... pattiyuddhāni bhavanti; tesampi, bhante, pattiyuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhvattamāne jarāmarañṇe.**

Bạch Thế Tôn, những vị vua sát đế lỵ đã làm lễ quán đánh đắm chìm trong vương quyền, thọ hưởng dục dục lạc, an dân trị quốc, mở mang bờ cõi thường dẫn thân vào những can qua với tượng binh..., mã binh..., xa binh..., bộ binh nhưng không có chỗ nương, không có biện pháp đối sách nào khi già và chết tiến đến chinh phục.

**Santi kho pana, bhante, imasmiṃ rājakule mantino mahāmattā, ye pahonti [yesaṃ honti (ka.)] āgate paccatthike mantehi bhedayitum. Tesampi, bhante, mantayuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhivattamāne jarāmarañe.**

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những người tinh thông huyền thuật với khả năng tiêu diệt kẻ địch tấn công nhưng không có chỗ nương, không có biện pháp đối sách nào khi già và chết tiến đến chinh phục.

**Saṃvijjati kho pana, bhante, imasmiṃ rājakule pahūtaṃ hiraññasuvaṇṇaṃ bhūmigatañceva vehāsaṭṭhañca, yena mayaṃ pahoma āgate paccatthike dhanena upalāpetum. Tesampi, bhante, dhanayuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhivattamāne jarāmarañe.**

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có vàng, bạc cất giữ trong các kho hay hầm chứa. Bằng vận dụng kinh tế có khả năng tiêu diệt kẻ địch tấn công nhưng không có chỗ nương, không có biện pháp đối sách nào khi già và chết tiến đến chinh phục.

**Adhivattamāne ca me, bhante, jarāmarañe kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya samacariyāya kusalakiriyāya puññakiriyāyā”ti?**

Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục thì con có thể làm gì khác được ngoài việc sống y Pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức?

**“Evametam, mahārāja, evametam, mahārāja! Adhivattamāne jarāmarañe kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya samacariyāya kusalakiriyāya puññakiriyāyā”ti?**

Quả thật vậy, này Đại vương. Quả thật vậy. Khi Đại vương bị già và chết chinh phục thì có thể làm gì khác được ngoài việc sống y Pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

**Idamavoca bhagavā...pe... satthā –**

Sau khi dạy như vậy bậc Đạo Sư nói thêm:

**“Yathāpi selā vipulā, nabhaṃ āhacca pabbatā;**

**Samantānupariyāyeyyum, nipphonto catuddisā.**

**“Evaṃ jarā ca maccu ca, adhivattanti paṇine [paṇino (sī. syā. kaṃ. pī.)];**

**Khattiye brāhmaṇe vesse, sudde caṇḍālapukkuse;**

**Na kiñci [na kañci (?)] parivajjeti, sabbamevābhimaddati.**

**“Na tattha hatthīnaṃ bhūmi, na rathānaṃ na pattiya;  
Na cāpi mantayuddhena, sakkā jetuṃ dhanena vā.**

Như núi với đá tảng  
Cao lớn tận mây xanh  
Tiến đến từ mọi phía  
Nghiền nát cả bốn phương

Cũng vậy, già và chết  
Chinh phục mọi chúng sanh  
Tất cả sát đê ly,  
Bà la môn, phệ xá  
Thủ đà, chiên đà la  
Hay lao công quét dọn  
Không ai trách thoát được  
Đều bị nghiền nát cả  
Không có tượng binh nào,  
Hay xa binh, bộ binh  
Hoặc huyền thuật, bạc vàng  
Có thể đánh bại được  
Cái già và cái chết.

**“Tasmā hi paṇḍito poso, sampassaṃ atthamattano;  
Buddhe dhamme ca saṅghe ca, dhīro saddhaṃ nivesaye.**

Nên chi bậc hiền trí  
Thấy lợi lạc bản thân  
Kiên định lòng tịnh tín  
Nơi Phật, Pháp và Tăng

**“Yo dhammaṃ cari [dhammacārī (sī. syā. kaṃ. pī.)] kāyena, vācāya uda  
cetasā; Idheva naṃ pasamsanti, pecca sagge pamodatī”’ti.**

Ai sống với Chánh pháp  
Bằng thân, khẩu và ý  
Đời này được ca ngợi  
Đời sau hưởng thiên lạc.



## Thích văn

“**Yathāpi selā vipulā** = Giống như những khối đá vĩ đại  
**nabhaṃ āhacca pabbatā** = núi cao tận tầng mây  
**Samantānupariyāyeyyūṃ** = Tiến đến từ mọi phía  
**nippothento catuddisā** = nghiền nát cả bốn phương

“**Evam jāra ca maccu ca** = cũng vậy già và chết  
**adhivattanti paṇine** = chinh phục chúng sanh  
**Khattiye brāhmaṇe vesse** = sát đế ly, bà la môn, phê xá  
**sudde caṇḍālapukkuse** = thủ đà, chiên đà la, lao công  
**Na kiñci parivajjeti** = Không chừa bất cứ ai  
**Sabbamevābhimaddati** = Tất cả đều bị nghiền nát

“**Na tattha hatthīnaṃ bhūmi** = tượng binh “không có cửa”  
**na rathānaṃ na pattiya** = không xa binh, không bộ binh  
**Na cāpi mantayuddhena sakkā jetuṃ dhanena vā** = Không huyền thuật, kinh tế  
 có thể đánh bại được.

“**Tasmā hi paṇḍito poso** = Chính do vậy bậc hiền trí  
**sampassaṃ atthamattano** = hiểu được lợi lạc thiết thực cho bản thân  
**Buddhe dhamme ca saṅghe ca dhīro saddhaṃ nivesaye** = Sáng suốt kiên định  
 niềm tin ở Phật, Pháp, Tăng

“**Yo dhammaṃ cari kāyena vācāya uda cetasā** = ai hành trì chánh pháp với  
 thân, ngữ, ý.

**Idheva naṃ pasamsanti** = được ca ngợi trong đời này  
**pecca sagge pamodati**”ti = được hưởng thiên phước đời sau



## Thích nghĩa

*Theo Sớ giải thuật ngữ dhammacariyā - hành trì chánh pháp là tạo mười  
 phước hạnh (bố thí, trì giới, thiên định, cung kính, phục vụ, thuyết pháp, thỉnh pháp,*

*tuỳ hỷ phước, hồi hướng phước, vun bồi chánh kiến). Và cũng giải thích samacariya cũng mang ý nghĩa tương tự (...)*

*Tỳ kheo Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình*

-ooOoo-

## 5. Pabbatūpamasuttaṃ [Mūla]

136. Sāvattḥinidānaṃ. Ekamantaṃ nisinnaṃ kho rājānaṃ pasenaḍiṃ kosalaṃ bhagavā etadavoca – “handa, kuto nu tvaṃ, mahārāja, āgacchasi divā divassā”ti? “Yāni tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ issariyamadamattānaṃ kāmagedhapariyuṭṭhitānaṃ janapadatthāvariyaṃpattānaṃ mahantaṃ pathavimaṇḍalaṃ abhivijjiya ajjhāvasantaṃ rājakaraṇīyāni bhavanti, tesu khvāhaṃ, etarahi usukkamaṃpanno”ti.

“Taṃ kiṃ maññaṃsi, mahārāja, idha te puriso āgaccheyya puratthimāya disāya saddhāyiko paccayiko. So taṃ upasaṅkamitvā evaṃ vadeyya – ‘yagghe, mahārāja, jāneyyāsi, ahaṃ āgacchāmi puratthimāya disāya. Tatthaddasaṃ mahantaṃ pabbataṃ abhasamaṃ sabbe pāṇe nipphoṭṭhento āgacchati. Yaṃ te, mahārāja, karaṇīyaṃ, taṃ karohī”ti. Atha dutiyo puriso āgaccheyya pacchimāya disāya...pe... atha tatiyo puriso āgaccheyya uttarāya disāya...pe... atha catuttho puriso āgaccheyya dakkhiṇāya disāya saddhāyiko paccayiko. So taṃ upasaṅkamitvā evaṃ vadeyya – ‘yagghe mahārāja, jāneyyāsi, ahaṃ āgacchāmi dakkhiṇāya disāya. Tatthaddasaṃ mahantaṃ pabbataṃ abhasamaṃ sabbe pāṇe nipphoṭṭhento āgacchati. Yaṃ te, mahārāja, karaṇīyaṃ taṃ karohī”ti. Evarūpe te, mahārāja, mahati mahabbhaye samuppanne dāruṇe manussakkhaye [manussakāye (ka.)] dullabhe manussatte kimassa karaṇīya”nti?

“Evarūpe me, bhante, mahati mahabbhaye samuppanne dāruṇe manussakkhaye dullabhe manussatte kimassa karaṇīyaṃ aññaṭṭha dhammacariyāya aññaṭṭha samacariyāya aññaṭṭha kusalakiriyāya aññaṭṭha puññakiriyāya”ti?

“Ārocemi kho te, mahārāja, paṭivedemi kho te, mahārāja, adhivattati kho taṃ, mahārāja, jarāmaṇaṃ. Adhivattamāne ce te, mahārāja, jarāmaṇe kimassa karaṇīya”nti? “Adhivattamāne ca me, bhante, jarāmaṇe kimassa karaṇīyaṃ aññaṭṭha dhammacariyāya samacariyāya kusalakiriyāya puññakiriyāya? Yāni tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ issariyamadamattānaṃ kāmagedhapariyuṭṭhitānaṃ janapadatthāvariyaṃpattānaṃ mahantaṃ pathavimaṇḍalaṃ abhivijjiya ajjhāvasantaṃ hatthiyuddhāni bhavanti; tesampi, bhante, hatthiyuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhivattamāne jarāmaṇe. Yānipi

tāni, bhante, raññaṃ khattiyānaṃ muddhāvasittānaṃ...pe... ajjhāvasantānaṃ assayuddhāni bhavanti...pe... rathayuddhāni bhavanti ...pe... pattiyuddhāni bhavanti; tesampi, bhante, pattiyuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhvattamāne jarāmaṇe. Santi kho pana, bhante, imasmiṃ rājakule mantino mahāmatā, ye pahonti [yesaṃ honti (ka.)] āgate paccatthike mantehi bhedayitum. Tesampi, bhante, mantayuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhvattamāne jarāmaṇe. Saṃvijjati kho pana, bhante, imasmiṃ rājakule pahūtaṃ hiraññasuvaṇṇaṃ bhūmigatañceva vehāsaṭṭhaṅca, yena mayaṃ pahoma āgate paccatthike dhanena upalāpetum. Tesampi, bhante, dhanayuddhānaṃ natthi gati natthi visayo adhvattamāne jarāmaṇe. Adhvattamāne ca me, bhante, jarāmaṇe kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya samacariyāya kusalakariyāya puññakariyāya’’ti?

“Evametam, mahārāja, evametam, mahārāja! Adhvattamāne jarāmaṇe kimassa karaṇīyaṃ aññatra dhammacariyāya samacariyāya kusalakariyāya puññakariyāya’’ti? Idamavoca bhagavā...pe... satthā –

“Yathāpi selā vipulā, nabhaṃ āhacca pabbatā;  
Samantānupariyāyeyyum, nipphento catuddisā.

“Evaṃ jarā ca maccu ca, adhvattanti pāṇine [pāṇino (sī. syā. kaṃ. pī.)];  
Khattiye brāhmaṇe vesse, sudde caṇḍālapukkuse;  
Na kiñci [na kañci (?)] parivajjeti, sabbamevābhimmaddati.

“Na tattha hatthīnaṃ bhūmi, na rathānaṃ na pattiyā;  
Na cāpi mantayuddhena, sakkā jetum dhanena vā.

“Tasmā hi paṇḍito poso, sampassaṃ atthamattano;  
Buddhe dhamme ca saṅghe ca, dhīro saddhaṃ nivesaye.

“Yo dhammaṃ cari [dhammacārī (sī. syā. kaṃ. pī.)] kāyena, vācāya uda cetasā;  
Idheva naṃ pasamsanti, pecca sagge pamodatī’’ti.

## 5. Pabbatūpamasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

136. Pañcame **muddhāvasittānanti** khattiyābhisekena muddhani avasittānaṃ katābhisekānaṃ. **Kāmagedhapariyuṭṭhitānanti** kāmesu gedhena pariyuṭṭhitānaṃ abhibhūtānaṃ. **Janapadattāhāvariyaṃ pappattānanti** janapade thirabhāvappattānaṃ. **Rājakaraṇīyānīti** rājakammāni rājūhi kattabbakiccāni. **Tesu khvāhanti** tesu ahaṃ. **Usukkamāpannoti** byāpāraṃ āpanno. Esa kira rājā divasassa tikkhattum bhagavato



upaṭṭhānaṃ gacchati, antarāgamanāni bahūnipi honti. Tassa nibaddhaṃ gacchato balakāyo mahāpi hoti appopi. Athekadivasam pañcasatā corā cintayimṣu – “āyaṃ rājā avelāya appena balena samaṇassa gotamassa upaṭṭhānaṃ gacchati, antarāmagge naṃ gahetvā rajjaṃ gaṇhissāmā”ti. Te andhavane niliyimṣu. Rājāno ca nāma mahāpuñña honti. Atha tesamyeva abhantarato eko puriso nikkhamitvā rañño ārocesi. Rājā mahantaṃ balakāyaṃ ādāya andhavanaṃ parivāretvā te sabbe gahetvā andhavanato yāva nagaradvārā maggassa ubhosu passesu yathā aññamaññaṃ cakkhunā cakkhūṃ upanibandhitvā olokeni, evaṃ āsannāni sūlāni ropāpetvā sūlesu uttāsesi. Idaṃ sandhāya evamāha.

Atha sathā cintesi – “sacāhaṃ vakkhāmi, ‘mahārāja, mādise nāma sammāsambuddhe dhuravihāre vasante tayā evarūpaṃ dāruṇaṃ kammaṃ kataṃ, ayuttaṃ te kata’nti, athāyaṃ rājā maṅku hutvā santhambhituṃ na sakkuṇeyya, pariyāyena dhammaṃ kathentasseva me sallakkhessatī”ti dhammadesanaṃ ārabhanto **taṃ kiṃ maññasīti**ādīmāha. Tattha **saddhāyikoti** saddhātabbo, yassa tvaṃ vacanaṃ saddahasīti attho. **Paccayikoti** tasseva vevacanaṃ, yassa vacanaṃ pattiyāyasīti attho. **Abbhasamanti** ākāsasamaṃ. **Nippothento āgacchatīti** pathavitalato yāva akaniṭṭhabrahmalokā sabbe satte saṅhakarāṇīyaṃ tiṇacuṇṇaṃ viya karonto pisanto āgacchati.

**Aññatra dhammacariyāyāti** ṭhapetvā dhammacariyaṃ aññaṃ kātabbaṃ natthi, dasakusalakamma pathasaṅkhātā dhammacariyāva kattabbā, bhanteti – **samacariyādīni** tasseva vevacanaṃ. **Āroceṃīti** ācikkhāmi. **Paṭivedayāmīti** jānāpemi. **Adhivattatīti** ajjhottharati.

**Hatthiyuddhānīti** nālāgirisadise hemakappane nāge abhiruyha yujjhitabbayuddhāni. **Gatīti** nipphatti. **Visayoti** okāso, samatthabhāvo vā. Na hi sakkā tehi jarāmarāṇaṃ paṭibāhituṃ. **Mantino** mahāmatatīti mantasampannā mahosadhavidhurapaṇḍitādisadisā mahāamaccā. **Bhūmigatanti** mahālohakumbhiyo pūretvā bhūmiyaṃ ṭhapitaṃ. **Vehāsaṭṭhanti** cammapasibbake pūretvā tulāsaṅghātādīsu laggetvā ceva niyyuhādīsu ca pūretvā ṭhapitaṃ. **Upalāpetunti** aññamaññaṃ bhindituṃ. Yathā dve janā ekena maggena na gacchanti evaṃ kātuṃ.

**Nabhaṃ āhaccāti** ākāsaṃ pūretvā. **Evaṃ jarā ca maccu cāti** idha dveyeva pabbatā gahitā, rājovāde pana “jarā āgacchati sabbayobbanam vilumpamānā”ti evaṃ jarā marāṇaṃ byādhi vipattīti cattāropete āgatāva. **Tasmāti** yasmā hatthiyuddhādīhi jarāmarāṇaṃ jinituṃ na sakkā, tasmā. **Saddhaṃ nivesayeti** saddhaṃ niveseyya, patitṭhāpeyyāti. Pañcamaṃ.